| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |

Bản án số: 140/2025/DS - ST
Ngày: 27-5-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng hợp tác"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Cao Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương*** *tham gia phiên tòa****:*** Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 948/2024/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng hợp tác" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2025/QĐXXST– DS ngày 17 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Lê Vũ T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ E, ấp D, V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Trương Quốc T1, sinh năm 1974; địa chỉ: Số H, đường P, tổ H, khu F, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 10/6/2024.

2. *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B; (công ty B), địa chỉ trụ sở: Số A, đại lộ B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Thanh T2 – Chức vụ: Giám đốc.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị Thủy T3, sinh năm: 1996; địa chỉ: Số A, đại lộ B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/06/2024, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lê Vũ T trình bày:***

Khoảng giữa năm 2022, khi gặp nhau T2 là giám đốc công ty B có nói với

ông T đang thực hiện dự án bên Tây Ninh, phân lô 20 nền nhỏ để bán lại cho khách, do đất bên đó đang có giá rẻ và chiều hướng tăng cao. Nhưng thời điểm này cần huy động nguồn lực vốn để hoàn thành. Từ đây ông T2 ngỏ ý với ông T góp tiền mua bán kiếm lời. Vì là chỗ anh em thân quen tin tưởng, ông T chấp nhận góp vốn vào công ty T4 là 2.050.000.000 đồng nhưng dự án không thực hiện được nên công ty và bà T3 cam kết trả lại tiền góp vốn và lãi cho ông T.

**Đối với khoản góp ngày 12/7/2022: 1.500.000.000 đồng (có phiếu thu thể hiện công ty đã nhận 1.500.000.000 đồng)**

Phía công ty đã trả vốn 02 đợt:

+ Đợt 01 ngày 20/12/2022: 500.000.000 đồng;

+ Đợt 02 ngày 12/01/2023: 100.000.000 đồng

Theo cam kết ngày 20/02/2023, công ty C sẽ trả vốn góp còn lại là 900.000.000 đồng

**Đối với khoản góp ngày 20/2/2022: 550.000.000 đồng**

Theo hợp đồng hùn vốn ngày 22/10/2022 thể hiện bà Võ Thị Thủy T3 và ông Lê Vũ Trọng G vốn làm ăn chung, theo đó thì ông T sẽ góp 550.000.000 đồng, sau 2.5 tháng góp vốn bên A sẽ hoàn tiền lại gốc và lãi. Ngày 06/01/2023 bên A sẽ thanh toán gốc và lãi cho bên B tương ứng số tiền 550.000.000 đồng.

Nay ông T yêu cầu:

Hủy các hợp đồng góp vốn ngày 12/7/2022 và 22/10/2022 giữa ông Lê Vũ T và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B;

Buộc Công ty TNHH B và bà Võ Thị Thủy T3 phải liên đới trả lại cho ông T số tiền vốn còn lại là: 1.450.000.000 đồng

Lãi suất chậm trả từ ngày cam kết đến ngày dự kiến xét xử với mức lãi là 10%/năm

*Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thủy T3 trình bày:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, đăng báo cho bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thủy T3 theo quy định tại Điều 179, 180 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thủy T3 không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu đối với nguyên đơn.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật

tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì về tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Công ty TNHH B và bà Võ Thị Thủy T3 có cùng địa chỉ: Số A, Đại lộ B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương liên đới trả số tiền nợ góp vốn và tiền lãi. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp vốn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng mà các bên giao kết là hợp đồng hợp tác theo Điều 504 Bộ luật Dân sự.

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đăng báo thông báo hợp lệ cho bị đơn Công ty TNHH B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thủy T3. Tuy nhiên, bị đơn Công ty TNHH B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thủy T3 không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Ông T cho rằng ông có góp vốn hợp tác làm ăn mua bất động sản với bị đơn Công ty TNHH B. Các bên có ký Hợp đồng thỏa thuận ngày 12/07/2022 và bà T3 có ký Hợp đồng hùn vốn ngày 22/10/2022. Công ty B và bà T3 qua nhiều lần cam kết trả lại tiền vốn góp và lãi nhưng cho đến nay chưa trả nên ông Vũ T khởi kiện đòi lại số tiền mà công ty và bà T3 đã cam kết.

Xét thấy, đối với Hợp đồng thoả thuận ngày 12/7/2022 thể hiện ông T là bên góp vốn, bên nhận góp vốn là bà Võ Thị Thủy T3 số tiền 1.500.000.000 đồng để đầu tư mua bất động sản (có phiếu thu thể hiện công ty đã nhận 1.500.000.000 đồng), Cuối hợp đồng do bà T3 ký tên và đóng dấu công ty B. Sau đó, Ông V thừa nhận công ty đã trả 600.000.000 đồng, nay còn 900.000.000 đồng. Theo cam kết ngày 20/02/2023, công ty C sẽ trả vốn góp còn lại là 900.000.000 đồng nhưng cho đến nay công ty và bà T3 chưa trả. Nay ông V khởi kiện đòi lại số tiền trên là có cơ sở chấp nhận.

Đối với khoản góp ngày 20/2/2022, theo Hợp đồng hùn vốn ngày 22/10/2022 thể hiện bên nhận góp vốn là bà Võ Thị Thủy T3 và ông Lê Vũ Trọng G vốn làm ăn chung, theo đó thì ông T sẽ góp 550.000.000 đồng, sau 2,5 tháng góp vốn bên A sẽ hoàn tiền lại gốc và lãi 550.000.000 đồng. Ngày 06/01/2023 bên A là bên bà T3 sẽ thanh toán gốc và lãi cho bên B bên ông T tương ứng số tiền 550.000.000 đồng. Cuối Hợp đồng hùn vốn ngày 22/10/2022 do bà T3 ký tên và đóng dấu công ty B. Đến ngày 20/2/2023 công ty B cam kết sẽ trả cho ông V số tiền 550.000.000 đồng nhưng cho đến nay chưa trả, vì vậy ông T khởi kiện yêu cầu công ty B và bà T3 trả số tiền

550.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi chậm trả: Công ty B, bà T3 cam kết trả lãi nhưng quá thời hạn chưa trả. Theo quy định tại Điều 375 Bộ Luật Dân sự thể hiện: *Bên có nghĩa vụ trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.* Do đó, ông Vũ T khởi kiện công ty B trả tiền chậm trả là phù hợp. Kể từ ngày 20/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 27/5/2025 là 1.450.000.000 đồng x 0.03% x787 ngày = 34.234.500 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt, đăng báo các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 177, 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng Công ty TNHH B và bà T3 không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, có cơ sở tuyên huỷ các hợp đồng góp vốn ngày 12/7/2022 và 22/10/2022 giữa ông Lê Vũ T và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B, bà Võ Thị Thủy T3. Buộc Công ty TNHH B và bà Võ Thị Thủy T3 phải liên đới trả lại cho ông T số tiền vốn còn lại là: 1.450.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 34.234.500 đồng.

[3]. Quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH B, bà T3 phải chịu theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 504, 506 và Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 177, 227, 228, 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Vũ T đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B, bà Võ Thị Thủy T3 về việc "Tranh chấp hợp đồng hợp tác".

Hủy các hợp đồng thoả thuận ngày 12/7/2022 và Hợp đồng hùn vốn 22/10/2022 giữa ông Lê Vũ T và bà Võ Thị Thủy T3, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B;

Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B và bà Võ Thị Thủy T3 liên đới hoàn trả cho ông Lê Vũ T số tiền nợ gốc là 1.450.000.000 đồng và số tiền lãi là 34.234.500 đồng. Tổng cộng số tiền là 1.484.234.500 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương

ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn B và bà Võ Thị Thủy T3 phải liên đới chịu số tiền án phí là 57.127.035 đồng

- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho ông Lê Vũ T số tiền là 7.485.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số BLTU/24 0003406 ngày 29/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hồng Thắm**